

Bản án số: 38/2021/HS-ST

Ngày 27-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Bình và bà Nguyễn Thị Hằng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tiến D - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn L (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 27 tháng 01 năm 1989 tại xã G, huyện B (nay là xã T, thành phố L), tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T - Sinh năm: 1969 và bà Hoàng Thị C - Sinh năm: 1970, cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án hình sự số 13/2020/HS-ST ngày 12/02/2020 của Tòa án nhân dân quận G, thành phố H xử phạt Hà Văn L 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù được tính từ ngày 19/11/2019; buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 19/11/2020, bị cáo L đã chấp hành xong hình phạt tù; Tính đến ngày phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định.

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự, tại quyết định 301/QĐ-TA ngày 14/11/2017 của TAND quận G, thành phố Hồ Chí M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn L trong thời hạn 21 tháng. Ngày 21/5/2019, L được tái hòa nhập cộng đồng, tính đến ngày phạm tội, bị cáo chưa được xóa tiền sự theo quy định.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể:

Tại quyết định số 7441/QĐ-UBND ngày 19/11/2011 của UBND thành phố H áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện đối với Hà Văn L trong thời

hạn 24 tháng. Ngày 24/10/2013, L được tái hòa nhập cộng đồng, tính đến ngày phạm tội được xóa tiền sự theo quy định.

Tại quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND quận 12, thành phố H áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với Hà Văn L trong thời hạn 24 tháng, ngày 01/11/2015, L được tái hòa nhập cộng đồng, tính đến ngày phạm tội bị cáo được xóa tiền sự theo quy định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/5/2021, tạm giam từ ngày 13/5/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Hoàng Văn D (Tên gọi khác: Lợi) - Sinh ngày: 05 tháng 12 năm 2000 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C - Sinh năm: 1946 (đã chết) và bà Lữ Thị N - Sinh năm: 1955, cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Hà Văn L 1 (Tên gọi khác: không) - Sinh ngày: 17 tháng 9 năm 1991 tại xã G, huyện B (nay là xã T, thành phố L), tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T - Sinh năm: 1969 và bà Hoàng Thị C - Sinh năm: 1970, cùng cư trú tại: Thôn C, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, 03 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cụ thể:

- Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 UBND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp đưa người nghiện chất ma túy vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục - lao động xã hội tỉnh Lào Cai đối với Hà Văn L 1, thời hạn 12 tháng. Ngày 12/5/2012, Hà Văn L 1 tái hòa nhập cộng đồng.

- Quyết định 4163/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND huyện B, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp đưa người nghiện chất ma túy vào Trung tâm chữa bệnh, giáo dục - lao động xã hội tỉnh Lào Cai đối với Hà Văn L 1 trong thời hạn 18 tháng. Ngày 03/4/2014, L1 được tái hòa nhập cộng đồng.

- Quyết định 98/QĐ-TA ngày 30/10/2017 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hà Văn L 1 trong thời hạn 15 tháng. Đến ngày 20/11/2018, L1 được tái hòa nhập cộng đồng.

Tính đến ngày phạm tội, bị cáo L1 đã được xóa tiền sự đối với 03 quyết định nêu trên.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn L và Hà Văn L 1: Bà Phạm Thị Hoa H – Sinh năm: 1992; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai – Có mặt.

Bị hại: Bà Huỳnh Thị Điệp Ng (tên khác: Huỳnh Thị Ng) - Sinh năm: 1969 và ông Tạ Trung K - Sinh năm: 1969; Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng là ông Tạ Trung K.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Lê Văn C - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn X, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Hà Văn T- Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn C, xã Th, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 22/4/2021, do cần tiền để tiêu sài cá nhân, Hà Văn L đã nảy sinh ý định đi tìm tài sản trộm cắp. Sau đó, L hỏi mượn em trai Hà Văn L 1 chiếc vam nhưng không có và L cũng không biết L hỏi mượn làm gì. L đã tìm thấy chiếc vam trong hộp đồ sửa xe của gia đình, L cầm theo và rủ Hoàng Văn D đi trộm cắp tài sản, D đồng ý nhận lời, L đưa chiếc vam cho D. Cả hai đi từ nhà L đến khu vực đầu cầu sắt thuộc xã T, thành phố Lào Cai, D nhặt được 01 chiếc chìa khóa xe máy và cất vào túi quần. Khi đi qua trụ sở UBND xã G được khoảng 100m, L và D quay lại đi lên cầu sắt. Khi đi qua trụ sở UBND xã G được khoảng 50 mét, L phát hiện ở phía bên phải đường theo hướng đi có nhà dân đang khép cửa, ở trước sân có dựng 01 chiếc xe máy Honda Wave S màu vàng đen, BKS 24B1-609.95. L đã nói với D “*Nhà kia đóng cửa kìa*” và L tiến đến gần cửa xếp, D đi theo sau. Quan sát không thấy ai, L bảo D đưa chiếc vam và D;lũng ra ngoài cảnh giới, L cầm vam đến gần chiếc xe, dùng mũi vam cắm vào ổ khóa điện và lắc vài lần thì mở được ổ khóa điện. L ngồi lên yên và lùi xe ra đường Quốc lộ 4E, sau đó đưa chiếc vam cho D và bảo D đưa chiếc chìa khóa. L dùng chìa khóa mở ổ khóa điện và khởi động nổ máy điều khiển xe chở D đi về thôn Chang, xã Thống Nhất, thành phố Lào Cai. Khi đi được một đoạn, L dừng xe lại, D mở cốp xe ra thấy có 01 đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Huỳnh Thị Điệp Ng (chị Ng là vợ anh Tạ Trung K), D đã cất các giấy tờ vào túi quần, còn chiếc vam phá khóa D vứt trên đường đi. Sau đó, cả hai đi lên nhà ông Lương Văn Môn và nhờ Lương Văn Sách là con trai ông Môn cầm cố xe nhưng Sách không đồng ý. L và D đi xe máy ra cổng nhà ông Môn thì gặp Hà Văn L 1. L đã nhờ L1 đi cầm cố xe, L1 đồng ý nhận lời. L1 đã điều khiển xe máy Yamaha Sirius BKS 24B2-025.13 đi trước theo Quốc lộ 4E, L điều khiển xe máy Honda Wave S BKS 24B1-609.95 chở D theo sau. Khi đi được một đoạn, L1 hỏi L và D có chứng minh thư không, L và D đều trả lời không có, L1 đã bảo cả hai ở lại đợi còn L1 quay về nhà lấy chứng minh nhân

dân. Trong thời gian đợi, D đã đưa cho L 01 giấy phép lái xe mô tô của chị Ng. L đã dùng bật lửa đốt luôn giấy phép lái xe mô tô của chị Ng. Sau đó, L1 quay lại cùng với L và D đi 2 xe về hướng Cam Đường, thành phố Lào Cai. Trên đường đi, L1 có hỏi L và D “Xe lấy ở đâu”, L trả lời “Lấy ở Lu”. Sau đó cả ba đi đến cửa hiệu cầm đồ của chị Nguyễn Thị Minh Thu để cầm cố xe nhưng không được. Cả 03 tiếp tục đi tìm cửa hàng để cầm cố xe, L1 hỏi lại L và D “Xe chúng mày lấy ở đâu”, L trả lời “Xe lấy ở Xuân Giao”, lúc này L1 biết rõ nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS 24B1-609.95 do L và D trộm cắp mà có. Tuy nhiên do L1 Muốn có tiền chi tiêu nên đã đồng ý tìm chỗ cầm cố xe. Khi cả ba đi đến cửa hàng của anh Lê Văn Ch tại xã C, thành phố L, sau khi trao đổi, anh Ch không cầm cố xe mà chỉ mua xe với giá 6.500.000 đồng. L1 quay ra hỏi L và D thì cả hai đều đồng ý bán. Quá trình mua bán xe, L1 đã viết giấy mua bán xe và ký tên là người bán xe, còn D ký tên là Lợi vào vị trí người làm chứng, Ch ký tên là người mua xe. Sau khi viết xong giấy tờ, L1 đưa đăng ký xe mô tô cho anh Ch và được anh Ch đưa cho L1 số tiền 6.500.000 đồng. Sau đó, L1 dùng xe mô tô BKS 24B2-025.13 chở L và D đi về đến cổng chào thôn Phú Hùng, xã Thống Nhất, thành phố Lào Cai, L1 dừng xe lại và đưa toàn bộ tiền bán xe máy cho D cầm, D đã đưa lại cho L1 2.000.000 đồng và bảo L1 đi mua đồ ăn uống chung, L1 đã cầm tiền đi mua đồ hết 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng thì L1 chi tiêu cá nhân hết. Đối với L và D đem theo số tiền còn lại là 4.500.000 đồng thuê xe taxi đi lên thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa chơi và chi tiêu hết số tiền này. Đến ngày 07/5/2021, Hà Văn L đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bảo Thắng, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S BKS 24B1-609.95 có trị giá là **7.000.000** đồng (*Bảy triệu đồng*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố các bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D (Tên gọi khác: Lợi) về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Hà Văn L 1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D (Tên gọi khác: L) phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hà Văn L 1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Áp dụng Khoản 1, Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi) từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1, Điều 323, Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Văn L 1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Hà Văn L, Hoàng Văn D và Hà Văn L 1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn Ch tổng số tiền là 6.500.000 đồng, cụ thể: các bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn Ch số tiền 2.750.000 đồng; Bị cáo Hà Văn L 1 phải bồi thường cho anh Lê Văn Ch số tiền 1.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy là vật chứng trong vụ án;

Đối với người bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn L và Hà Văn L 1:

Nhất trí với cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, tuy nhiên căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Hà Văn L mức án 10 tháng tù; tuyên phạt bị cáo Hà Văn L 1 mức án 07 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng, giải quyết việc bồi thường thiệt hại và các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi) đã thừa nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” là xe mô tô biển kiểm soát 24B1-609.95 của gia đình ông K, bà Ng. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để lấy trộm xe mô tô trị giá 7.000.000 đồng. Do đó bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi) phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L là người rủ rê, khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp phá ổ khóa điện để lấy trộm xe mô tô nên L giữ vai trò thực hành trong vụ án. Đối với bị cáo D đã có hành vi đứng bên ngoài cảnh giới cho L trộm cắp xe mô tô nên giữ vai trò giúp sức trong vụ án.

Bị cáo Hà Văn L đã bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hà Văn L 1, mặc dù không được hứa hẹn, bàn bạc trước với L và D về việc trộm cắp xe mô tô. Tuy nhiên, khi được L nhờ đi cầm cố xe thì L1 đã hỏi L và D về nguồn gốc xe, L1 đã biết xe mô tô BKS 24B1-609.95 do L và D trộm cắp mà có nhưng vẫn tích cực tìm nơi tiêu thụ tài sản do L và D trộm cắp được. Xác định trước khi bán xe mô tô này cho anh Lê Văn Ch với số tiền 6.500.000 đồng, thì bị L1 đã biết rõ nguồn gốc xe là do phạm tội mà có, L1 cũng là người trực tiếp viết giấy mua bán và ký tên là người bán xe. Vì vậy, bị cáo Hà Văn L 1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 6.500.000 đồng do bán xe mô tô trộm cắp mà có, D đưa cho L1 2.000.000 đồng để mua đồ ăn uống chung, L1 mua đồ ăn hết 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng thì chi tiêu cá nhân hết. Do đó bị cáo L và bị cáo D, mỗi bị cáo hưởng lợi số tiền 2.750.000 đồng, bị cáo L1 hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng. Vì vậy các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn Ch tổng số tiền 6.500.000 đồng.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng truy tố các bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi) về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Hà Văn L 1 bị truy tố về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hà Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn D và Hà Văn L 1 không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo D và bị cáo L1 đều phạm tội gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải. Ngoài ra, bị cáo L1 có ông nội là Hà Văn Trần được nhà nước tặng Huân chương kháng Ch chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

Vì vậy bị cáo Hoàng Văn D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Hà Văn L 1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hà Văn L phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải, sau khi phạm tội bị cáo L đã ra đầu thú và có ông nội là Hà Văn Trần được nhà nước tặng Huân chương kháng Ch chống Mỹ cứu nước hạng Ba.

Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Đối với anh Lê Văn Ch là người đã mua chiếc xe mô tô Honda WaveS BKS 24B1-609.95. Quá trình điều tra xác định, khi thỏa thuận mua bán, các bị cáo không nói cho anh Ch biết về nguồn gốc chiếc xe là do phạm tội mà có, việc mua bán xe được thực hiện Ngý tình. Xét thấy hành vi mua bán xe của anh Ch là không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm đối với anh Ch.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius BKS 24B2-025.13 do bị cáo Hà Văn L 1 sử dụng làm phương tiện dẫn Hà Văn L và Hoàng Văn D đi tiêu thụ tài sản, xác định thuộc sở hữu của ông Hà Văn Tuyền (bố đẻ của L1 và L). Ông Tuyền mua lại xe này của ông Nguyễn Văn Thắng (đăng ký xe mang tên Triệu Ông Nhì) và chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, xe này cũng không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Việc Hà Văn L 1 dùng xe này làm phương tiện phạm tội, ông Tuyền không biết và không liên quan, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô BKS 24B2-025.13 cho ông Hà Văn Tuyền và không đề cập xử lý trách nhiệm đối với ông Tuyền.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Lê Văn Ch yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.500.000 đồng mà anh đã bỏ ra để mua xe. Các bị cáo L và D, mỗi bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Ch số tiền 2.750.000 đồng; bị cáo L1 nhất trí bồi thường cho anh Ch số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện nay các bị cáo đang bị tạm giam nên chưa có tài sản để bồi thường. Hội đồng xét xử cần xem xét buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Ch số tiền này.

Bị hại đã nhận lại xe mô tô BKS 24B1-609.95, đối với ổ khóa điện của xe bị hỏng và giấy phép lái xe mang tên bà Ng đã bị đốt thì bị hại tự khắc phục, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

[6] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô kèm theo đăng ký xe cho ông Tạ Trung K, ông K không có ý kiến gì về vật chứng đã nhận.

Đối với 01 chìa khóa xe mô tô có chuỗi nhựa màu đen, đây là chìa khóa do bị cáo D nhặt được và đưa cho L sử dụng mở khóa xe mô tô khi trộm cắp nên cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

Đối với chiếc vạm mà bị cáo L dùng để phá ổ khóa điện khi trộm cắp xe mô tô, sau đó đưa cho bị cáo D và D đã vứt trên đường đi, không nhớ ở đâu nên không thu giữ để xử lý được.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản riêng, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Hà Văn L, Hoàng Văn D và Hà Văn L 1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng:

Về đề nghị của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo Hà Văn L và Hoàng Văn D là nghiêm khắc, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, thiệt hại xảy ra không lớn nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo L và D là phù hợp. Đối với đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo Hà Văn L 1 và các vấn đề có liên quan trong vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết theo đúng quy định.

Về đề nghị của người bào chữa:

Đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề liên quan là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Hà Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Hà Văn L 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/5/2021;

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D (tên gọi khác: L) phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Hoàng Văn D (tên gọi khác: L) 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/5/2021;

Căn cứ Khoản 1 Điều 323, Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Hà Văn L 1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", xử phạt bị cáo Hà Văn L 1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/5/2021

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Hà Văn L, Hoàng Văn D và Hà Văn L 1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn Ch tổng số tiền là 6.500.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Hà Văn L phải bồi thường cho anh Lê Văn Ch số tiền 2.750.000 đồng; Bị cáo Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi) phải bồi thường cho anh Lê Văn Ch số tiền 2.750.000 đồng và bị cáo Hà Văn L 1 phải bồi thường cho anh Lê Văn Ch số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu để tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô có chuôi nhựa màu đen, in chìm lô gô và có dòng chữ HONDA, hai bên viên

bị nứt vỡ được gắn keo; vật chứng này đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/8/2021.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Hà Văn L, Hoàng Văn D (tên gọi khác: Lợi), Hà Văn L 1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng (2);
- PC (81); Sở tư pháp;
- Bị cáo (3); Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Thi hành án (2);
- Lưu HS, THS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

